

Biểu mẫu 09

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6
TRƯỜNG THCS NGUYỄN VĂN LƯƠNG

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2022 - 2023

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Điều kiện tuyển sinh	Đảm bảo	Đảm bảo	Đảm bảo	Đảm bảo
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	BGD&ĐT	BGD&ĐT	BGD&ĐT	BGD&ĐT
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	Đầy đủ	Đầy đủ	Đầy đủ	Đầy đủ
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	Trên 95%	Trên 95%	Trên 95%	Trên 95%
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	Đủ khả năng	Đủ khả năng	Đủ khả năng	Đủ khả năng

Quận 6, ngày 18 tháng 8 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG



Đinh Phú Cường

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6
TRƯỜNG THCS NGUYỄN VĂN LƯƠNG

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở
và trường trung học phổ thông, năm học 2021 - 2022

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	1877	391	444	540	502
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1816 96.7%	375 95.90%	433 97.50%	506 93.70%	502 100%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	60 3.20%	16 4.10%	11 2.50%	33 6.10%	0 0.00%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	1 0.10%	0 0%	0 0.00%	1 0,18%	0 0%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0	0.00%	0%	0%	0%
II	Số học sinh chia theo học lực					
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	196 50.1%	196 50.1%			
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	111 28.4%	111 28.4%			
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	71 18.2%	71 18.2%			
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	13 3.3%	13 3.3%			
5	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	734 49.4%		256 57.7%	249 46.1%	229 45.6%
6	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	475 32.0%		136 30.6%	176 32.6%	163 32.5%
7	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	237 16.0%		42 9.5%	85 15.7%	110 21.9%
8	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	33 2.2%		10 2.3%	23 4.3%	0 0.0%
9	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	7 0.47%		0 0.0%	7 1.3%	0 0.0%
III	Tổng hợp kết quả cuối năm					
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	1824 97.20%	378 96.70%	434 97.70%	510 94.40%	502 100%
	Học sinh Xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)	196 36.80%	196.00% 50.10%			
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	845 45.2%	111 28.4%	256 57.7%	249 46.1%	229 45.6%
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	475 32.0%		136 30.6%	176 32.6%	163 32.5%

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	33 2.2%		10 2.3%	23 4.3%	0 0.0%
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	7 0.47%		0 0.0%	7 1.3%	0 0.0%
4	Chuyển trường đến	11	4	3	4	
	Chuyển trường đi	18	1	7	9	1
5	Bị đuổi học	0	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học)	26	2	9	15	0
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp huyện	30			30	
2	Cấp tỉnh/thành phố	15				15
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế					
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	502				502
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp cả hai hệ	502				502
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	229 45.6%				229 45.6%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	163 32.5%				163 32.5%
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)	110 21.9%				110 21.9%
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	948/939	201/190	220/224	275/265	242/260
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	225	43	53	67	62

Quận 6, ngày 18 tháng 8 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG


Đinh Phú Cường

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6
TRƯỜNG THCS NGUYỄN VĂN LUÔNG

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông,
năm học 2022 - 2023

STT	Nội dung	SL	Bình quân	GHI CHÚ
I	Số phòng học	47	Số m ² /học sinh	
II	Loại phòng học		-	
1	Phòng học kiên cố	47	2420.5	Mỗi phòng 51.5m ²
2	Phòng học bán kiên cố			
3	Phòng học tạm	0	-	
4	Phòng học nhờ	0	-	
5	Số phòng học bộ môn	6	463.2	Mỗi phòng 77.2m ²
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	0	-	
7	Bình quân lớp/phòng học	47/47	1	
8	Bình quân học sinh/lớp	44.34	-	
III	Số điểm trường	1	-	
IV	Tổng số diện tích đất (m ²)	10275	5.04	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	5295	2.6	
VI	Tổng diện tích các phòng	628		
1	Diện tích phòng học (m ²)	51.5	1.2	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	77.2	1.8	
3	Diện tích thư viện (m ²)	259.5	-	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	782.4		
5	phòng truyền thống (m ²)	108		
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu			
	(Đơn vị tính: bộ)	191	Số bộ/lớp	
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	191		
1.1	Khối lớp 6	50	4/1lớp	
1.2	Khối lớp 7	55	5/1lớp	
1.3	Khối lớp 8	46	4/1lớp	
1.4	Khối lớp 9	40	4/1lớp	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định			
2.1	Khối lớp 6	0		



2.2	Khôi lớp 7	0		
2.3	Khôi lớp 8	0		
2.4	Khôi lớp 9	0		
3	tích/thiết bị)	0		
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập	90		
	(Đơn vị tính: bộ)			
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp	
1	Ti vi	8		
2	Cát xét	6		
3	Đầu Video/đầu đĩa	0		
4	OverHead/projector/vật thể	9		
5	Đàn	2		

	Nội dung	(m ²)		
X	Nhà bếp	1		
XI	Nhà ăn	1		
	Nội dung	phòng, tổng diện tích	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	34	1360	0.9
XIII	Khu nội trú	0		



XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	2	0	8/8		
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	cửa trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

Quận 6, ngày 18 tháng 8 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

Đinh Phú Cường

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6
TRƯỜNG THCS NGUYỄN VĂN LƯƠNG

Biểu mẫu 12

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2022 - 2023

	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp				Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Xuất sắc	Khá	TBinh	Kém	
STT	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	102		7	82	4	1		7	20	63		102			
I	Giáo viên	85		9	79					25	60		85			
1	Trong đó số giáo viên dạy môn:	14		1	13					2	12		14			
2	Toán	6			6					3	3		6			
3	Lý	5			5					2	3		5			
4	Hóa	6			6					3	3		6			
5	Sinh	11		2	9					5	6		11			
6	Văn	7		1	6					2	5		7			
7	Sử	4			4					2	2		4			
8	Địa	12			12					1	11		12			
9	Tiếng anh	2		1	1					1	1		2			
10	GDCD	4		1	4						4		4			
11	Công nghệ	4			4						4		4			
12	Thể dục	2			2						2		3			
13	Âm nhạc	2			2					1	1		2			
14	Mỹ thuật	5			4					2	3		4			
15	Tin học	1			1					1			1			
	Tổng phụ trách															



	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp				Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Xuất sắc	Khá	TB	Kém	
STT	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	102		7	82	4	1	7		20	63		102			
II	Cán bộ quản lý	3		3							3		3			
1	Hiệu trưởng	1		1							1		1			
2	Phó hiệu trưởng	2		2							2		2			
III	Nhân viên	14				3	1	7					14			
1	Nhân viên văn thư	1				1							1			
2	Nhân viên kế toán	1			1								1			
3	Thủ quỹ	1			1								1			
4	Nhân viên y tế	1					1						1			
5	Nhân viên thư viện	1				1							1			
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	1			1								1			
7	Nhân viên công nghệ thông tin	1				1							1			
8	Nhân viên khác	7						7					7			



Quận 6, ngày 18 tháng 8 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

Đinh Phú Cường